

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **166** /2017/DS-ST

Ngày: 30/6/2017

V/v tranh chấp “ hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Phong Phi**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Hồng**.

2. Ông **Ngô Văn Thi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Đỗ Ngọc Mai Thy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Hoàng Lưu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú. Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2017 về việc “ *hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2017/QĐST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Đ T**, địa chỉ: số , Hàng V, Hoàn K, Hà Nội. Đại diện theo pháp luật là ông **Trần Bắc H**, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị Ngân hàng Đ t Việt Nam.

Đại diện theo ủy quyền của ông Trần Bắc H là ông Nguyễn H - chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đ t B An Giang; ủy quyền lại cho ông Bùi Quốc V, chức vụ: Phó giám đốc phòng giao dịch An P - Chi nhánh Ngân hàng Đ T B An Giang, theo văn bản ủy quyền số 266/GUQ- BIDV.BAG ngày 01/3/2017 .

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Phú C**, sinh năm 1984;

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm: 1984;

Cùng địa chỉ: ấp Đồng K, xã Quốc Th, huyện An P, An Giang.

(ông V có mặt, ông C, bà S cùng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 01/3/2017 cùng với các tài liệu và chứng cứ kèm theo, đại diện tham gia tố tụng của nguyên đơn ông Bùi Quốc V trình bày: Vào ngày 16/12/2015 Ngân hàng có ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2015/5661639/HĐTD với ông C vay số tiền 250.000.000đ, mục đích vay bổ sung vốn nuôi cá sặc bổi, thời hạn vay 12 tháng, thỏa thuận trả nợ gốc vào ngày 16/11/2016, lãi suất là 9,5%/ năm, lãi vay được trả vào ngày 10 hàng tháng. Đi vào thực hiện từ khi giải ngân đến ngày trả lãi 12/09/2016 thì ông C trả đầy đủ.

Đến ngày 11/10/2016 khoản vay bị quá hạn lãi và ông C không có khả năng chi trả. Từ ngày 16/11/2016 đến nay khoản vay bị quá hạn nợ gốc với tổng số tiền là 250.000.000 đồng và không còn khả năng chi trả.

Tính đến ngày 28/02/2017, cho vay từng lần bị quá hạn, tổng dư nợ gốc và lãi vay của ông C còn nợ Ngân hàng là 264.678.819 đồng.

Tài sản đảm bảo được thể hiện tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/5661639/HĐBĐ ngày 16/12/2015 được ký kết giữa bên thế chấp là ông C và bà S; bên nhận thế chấp là Ngân hàng, PGD An Phú cụ thể: Giấy chứng nhận QSD đất số CB 729234 vào sổ số CH02664, diện tích 6.404 m²; đất chuyên trồng lúa nước; Thửa số 593. tọa lạc tại: xã Quốc T, huyện An P, An Giang. Hồ sơ liên quan đến tài sản kèm theo là: 01 giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 729234 do UBND huyện An P cấp ngày 11/12/2015 mang tên Nguyễn Phú C và Nguyễn Thị S.

Cán bộ Ngân hàng có đến nhà tìm ông C thì biết được thông tin là ông C và bà S đã bỏ địa phương đi nhằm trốn tránh trách nhiệm trả nợ.

Nay, phía Ngân hàng yêu cầu ông C - bà S tiếp tục thanh toán toàn bộ lãi vay phát sinh sau ngày 28/02/2017 với lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn theo hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi ông C- bà S trả dứt nợ cho Ngân hàng. Tiếp tục duy trì các hợp đồng thế chấp cho đến khi ông C và bà S trả dứt nợ và lãi phát sinh cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa ông Vương trình bày thêm, hiện nợ gốc và lãi của ông C, bà S tính đến ngày 30/6/2017 là vốn 250.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 19.263.889 đồng và tiền lãi quá hạn 7.487.847 đồng tổng cộng là 276.751.736 đồng (Hai trăm bảy mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi một nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng) và lãi suất phát sinh tính đến khi trả hết nợ gốc. Duy trì hợp đồng thế chấp nhằm đảm bảo cho việc thi hành án.

Tại phiên Tòa ông C và bà S cùng vắng mặt.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần HĐXX không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Viện kiểm sát phát biểu về nội dung: Vụ án được Tòa án thụ lý là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, ông C và bà S có thỏa thuận vay và thế chấp tài sản theo hợp đồng tín dụng 01/2015/5661639/HĐTD và hợp đồng thế chấp tài sản 01/2015/5661639/HĐBĐ cùng ngày 16/12/2015, đi vào thực hiện thì ông C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi suất đối với Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ, do đó đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông C, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà S đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt, Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ về sự vắng mặt của ông C và bà S, được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của ông C và bà S không gây trở ngại cho việc xét xử; Căn cứ khoản 05 Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành niêm yết xét xử vắng mặt ông C và bà S.

Các bên ký kết hợp đồng tín dụng 01/2015/5661639/HĐTD và hợp đồng thế chấp tài sản 01/2015/5661639/HĐBĐ cùng ngày 16/12/2015, với số tiền vay là 250.000.000 đồng lãi suất thỏa thuận là 9,5%/ năm, C vay với mục đích lấy vốn chăn nuôi cá sặc bỏi. Xác định quan hệ tranh chấp vay tài sản theo quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Trong vụ án này Ngân hàng là người khởi kiện nên xác định là nguyên đơn. Ông C là người bị khởi kiện nên là bị đơn. Bà S là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán vốn gốc, lãi theo thỏa thuận nên Ngân hàng khởi kiện. Ngân hàng yêu cầu ông C phải thanh toán số tiền nợ gốc, lãi tính đến ngày khi xét xử 30/6/2017 là 250.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 19.263.889 đồng và tiền lãi quá hạn 7.487.847 đồng tổng cộng là 276.751.736 đồng (Hai trăm bảy mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi một nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng) ngoài ra Ngân hàng còn yêu cầu tiếp tục tính lãi suất phát sinh đến khi thanh toán hết nợ gốc và lãi. Đồng thời duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nhằm đảm bảo cho việc thi hành án.

[3] Ông C và bà S hiện đã bỏ địa phương đi. Tòa án tiến hành xác minh thu thập chứng cứ lấy lời khai ông Nguyễn Thanh L là cha ruột của ông C, ông cho biết như sau: Ông biết con ông là ông C có vay tiền của Ngân hàng số tiền là 250.000.000 đồng. Hiện thì vợ chồng C và S đã bỏ đi làm ăn xa, không còn ở nhà, căn nhà hiện tại không ai ở chỉ có người anh trông coi dùm. Phần đất mà ông C thế chấp hiện nay thì bỏ không, không biết ai canh tác, phần nợ làm thì vợ chồng thì tự chịu. Ông cũng cho biết là từ lúc đi đến nay thì vợ chồng C- S không liên lạc về gia đình.

[4] Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có quy định “*Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng*

địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.” Do đó việc xác minh nơi cư trú của ông C và bà S cho thấy ông, bà vẫn còn hộ khẩu ở địa phương và lý do bỏ đi là trốn tránh nợ, do đó Tòa án niêm yết theo quy định khoản 05 Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông C và bà S.

[5] Tòa án cũng đến gặp ông Trần Văn D là cán bộ Công an xã Quốc Th để xác minh về nơi ở hiện nay của ông C- bà S, ông D cho biết là hiện nay ông C vẫn còn hộ khẩu thường trú ở xã Quốc Th. Tuy nhiên vợ chồng C- S đã bỏ địa phương đi từ trước Tết đến nay không thấy về, ông cũng không nắm rõ tình hình của vợ chồng C- S. Theo thông tin Công an xã nắm được nguyên nhân vợ chồng C - S bỏ địa phương đi là do thiếu nợ nhiều người không khả năng chi trả.

[6] Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với phần đất là tài sản thế chấp, kết quả là trên đất hiện không có ai canh tác, phần đất ao thì bỏ trống, cha của ông C cũng cho biết đất hiện nay không biết ai làm, do đó xác định tài sản thế chấp không có ai sử dụng nên không có người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác.

[7] Về nghĩa vụ của vợ chồng: Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 27, Điều 30, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình, “trách nhiệm liên đới vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 01 Điều 30 luật hôn nhân gia đình, nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm”. ông C và bà S là vợ chồng có đăng ký kết hôn, do đó ông bà phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí. Ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ khoản 3, Điều 26, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 192; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ Nghị quyết 326 của UBTV Quốc Hội về án phí, lệ phí;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng .

Buộc ông Nguyễn Phú C và bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vốn là 250.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 19.263.889 đồng và tiền lãi quá hạn 7.487.847 đồng tổng cộng là **276.751.736 đồng** (Hai trăm bảy mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi một nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng).

Ngoài ra, ông C, bà S còn phải tiếp tục trả lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 30/6/2017, ông C, bà S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 01/2015/5661639/HĐTD ngày 16/12/2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2015/5661639/HĐBĐ ngày 16/12/2015 để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Ông C, bà S phải chịu 13.837.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng 5.616.000 tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010939 ngày 16/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Phú.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/6/2017) Các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông C và bà S là 15 ngày được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA Tỉnh;
- VKS huyện;
- CC THADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Phong Phi